

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Um;
2. Ông Đinh Xuân Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức N – Luật sư Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 230 đường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái M, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 (có mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

** Những người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc T (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Nguyễn Thị Bạch T (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chị Ngô Thị Hà M- sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ông Phạm Văn T- Chủ tịch UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Bá T- sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Anh Phạm Văn M- sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Anh Trần Duy P- sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Anh Lê Thanh D- sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/01/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị L và anh M kết hôn vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, hiện vợ chồng chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh M thường hay đánh bài bạc về nhà còn có hành vi đánh đập chị L, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Đến khoảng tháng 8/2018 chị L và anh M sống ly thân, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị L và anh M có ba người con chung tên là Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/6/1990, Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/8/1994 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 10/01/2000. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh M có các tài sản chung gồm: thửa đất số 131, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 2.064m² và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng

Ngãi; thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 2.820m² và tài sản trên đất là cây keo nguyên liệu, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất số 95, tờ bản đồ số 22, diện tích là 264.3m² và tài sản trên đất gồm: căn Nhà cấp 3C, có tầng lửng (diện tích sàn 43,92m²), móng cột làm bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp ngói, trần gỗ, có chiều rộng 6,1m, chiều dài 21,8m, tổng diện tích xây dựng là 132,98m², mái hiên tole, xà gồ sắt (6,1m x 4,4m), trụ thép phi 70, sân hè (6,1m x 6,6m), hàng rào xây gạch 6,6m, hàng rào lam bê tông 6,6m, cổng ngõ xây trụ gạch, cửa sắt, địa chỉ: thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; 01 Bộ bàn ghế salon gỗ lát kiểu trúc (01 ghế dài, 03 ghế đơn, 02 ghế súp, 01 bàn, 02 đôn); 01 bộ phản gỗ lát (gồm 01 miếng có chiều rộng 77cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm; 01 miếng có chiều rộng 75cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm); 01 máy điều hòa hiệu Sharp công suất 2550W; 01 máy điều hòa hiệu LG công suất 3,52KW; 01 tủ đựng quần, áo có 03 cánh cửa, gỗ bời lời xanh, có chiều rộng 45cm, chiều cao 1,85m, chiều dài 2,2m; 01 giường hộp, gỗ đôi chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m; 01 giường hộp, gỗ bời lời xanh, chiều rộng 1,6m, chiều dài 2,2m; 01 giường hộp, gỗ bời lời xanh, chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m.

Ngày 22/5/2018 chị L và anh M sang nhượng thửa đất số 94 và Nhà quán cho chị Ngô Thị Hà M với số tiền 110.000.000đ, chị L là người giữ số tiền 110.000.000đ, nhưng trong thời gian qua chị L đã dùng số tiền này chi phí cho việc học hành của con gái Nguyễn Thị Huyền T và sử dụng cho cá nhân đã hết.

Ngoài ra, vợ chồng còn hai rẫy keo tại xã B, huyện B, đất thuê của ông Phạm Văn Đ, nhưng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết chia 2 giá trị của các tài sản nêu trên theo biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ngày 11/6/2019.

- Về nợ chung: Chị L trình bày không có.

** Trong các bản tự khai, phiên đối chất, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Thái M trình bày:*

Về thời gian và cơ quan nơi anh M, chị L thực hiện việc đăng ký kết hôn đúng như chị L đã trình bày ở trên, giấy chứng nhận kết hôn của anh và chị L hiện đã mất. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng không có gì nghiêm trọng, anh M thừa nhận cách đây khoảng 05-06 năm anh M có chơi bài bạc nhưng chỉ ở mức độ ham vui, nhỏ lẻ, không đến mức nợ nần làm khổ vợ con. Về sau anh M đã tu chí làm ăn lo cho vợ con có cuộc sống đầy đủ và từ đó đến nay vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ không muốn ly hôn, nhưng trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì anh M đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh M và chị L có ba người con chung đúng như chị L đã trình bày, hiện các cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/6/1990, Nguyễn Văn T,

sinh ngày 05/8/1994 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 10/01/2000 đều đã trưởng thành nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ngoài các tài sản như chị L trình bày như trên thì anh M và chị L còn có số tiền mặt là 1.010.000.000đồng, gồm các khoản sau:

Tiền bán keo trong năm 2018 vợ chồng có bán một số rẫy keo cho anh Phạm Văn M, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bạch T, anh Trần Duy P, anh Lê Thanh D được số tiền 240.000.000đồng. Trong nhiều lần bán keo cho những người trên thì một số người như anh Phạm Văn M, ông Nguyễn Ngọc T, anh Trần Duy P trực tiếp đưa tiền cho chị L nhận với tổng số tiền là 136.000.000đồng; anh Nguyễn Văn T con trai của anh M, chị L trực tiếp nhận số tiền bán keo của anh Lê Thanh D là 80.000.000đồng, chị Nguyễn Thị T con gái của anh M, chị L trực tiếp nhận tiền bán keo của bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền là 26.000.000đồng, sau đó anh T, chị T đã giao lại cho chị L giữ.

Ngày 22/5/2018, anh M, chị L sang nhượng đất và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 94, tờ bản đồ số 22, diện tích 823,7m² địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Ngô Thị Hà M với số tiền 770.000.000đồng, toàn bộ số tiền mặt này chị L đang giữ.

Anh M yêu cầu Tòa án giải quyết chia 2 giá trị của các tài sản nêu trên theo biên bản thỏa thuận giá trị tài sản ngày 11/6/2019.

- Về nợ chung: Anh M trình bày không có.

* Trong các bản tự khai chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Huyền T (là con chung của chị L, anh M) cùng trình bày: Quá trình chung sống với gia đình, chị T, anh T, chị T còn nhỏ, không có đóng góp công sức gì trong các tài sản mà chị L, anh M yêu cầu chia. Toàn bộ tài sản là của chị L, anh M, vì vậy, chị T, anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi của các anh, chị và đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia các quá trình tố tụng, không tổng đạt các văn bản tố tụng.

Đối với anh Nguyễn Văn T không thừa nhận đã nhận khoản tiền bán keo nào của anh Lê Thanh D đưa cho anh.

Đối với chị Nguyễn Thị T thừa nhận có nhận số tiền 26.000.000đồng bán keo của bà Nguyễn Thị Bạch T, nhưng chị cho rằng số tiền này là tiền bán rẫy keo của chị chứ không phải là tiền của anh M, chị L.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

- Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận quan hệ giữa chị L và anh M là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Các con đã trên 18 tuổi nên đề nghị không đề cập đến

- Về tài sản chung:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.820m², địa chỉ xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và các vật dụng trong nhà gồm: 02 miếng gỗ lát; 01 tủ quần áo, 02 giường ngủ; 01 máy điều hòa hiệu LG.

+ Giao cho anh Nguyễn Thái M được quyền quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất tại thửa số 95, tờ bản đồ số 22, diện tích 264,3m², địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 131, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.064m², địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và các vật dụng trong nhà gồm: 01 bộ bàn ghế salon; 01 giường; 01 máy điều hòa hiệu Sharp.

+ Anh Nguyễn Thái M thanh toán cho chị Nguyễn Thị L khoản tiền chênh lệch so với giá trị tài sản được nhận là 187.610.000đồng.

+ Chị L và anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Thái M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng anh Phạm Văn M, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bạch T, anh Trần Duy P, anh Lê Thanh D, ông Nguyễn Bá T, ông Phạm Văn T, chị Ngô Thị Hà M mặc dù đã nhận được giấy triệu tập họp lệ của Tòa án nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật

tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của những người trên.

[3] Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thái M rút yêu cầu đối với số tiền 26.000.000đồng mà chị Nguyễn Thị T nhận từ bà Nguyễn Thị Bạch T mà trước đó anh M cho rằng là tài sản chung của anh M và chị L. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần về yêu cầu chia tài sản của anh Nguyễn Thái M đối với số tiền 26.000.000đồng.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thái M đều trình bày anh, chị kết hôn vào năm 1990, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, anh M, chị L đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Qua làm việc với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì UBND xã B không còn sổ lưu cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1990; ngày 05/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ đã ban hành thông báo số 98/TB-TA về việc yêu cầu chị L, anh M cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền như đã trình bày. Tuy nhiên, chị L và anh M đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để thể hiện anh, chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Do đó, căn cứ vào các quy định nêu trên, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không có cơ sở để giải quyết ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh M.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thái M đều xác nhận có ba con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/6/1990, Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/8/1994 và Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 10/01/2000, hiện các cháu đều đã trưởng thành. Chị L, anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thái M thống nhất tài sản chung của vợ chồng như sau: thửa đất số 131, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích đất 2.064m² và toàn bộ cây keo trên đất, tổng giá trị đất và tài sản

trên đất là 50.320.000đ; thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích đất 2.820m² và toàn bộ cây keo trên đất, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 59.100.000đ; thửa đất số 95, tờ bản đồ số 22, diện tích là 264.3m² và tài sản trên đất gồm: căn Nhà cấp 3C, có tầng lửng (diện tích sàn 43,92m²), móng cột làm bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp ngói, trần gỗ, có chiều rộng 6,1m, chiều dài 21,8m, tổng diện tích xây dựng là 132,98m², mái hiên tole, xà gồ sắt (6,1m x 4,4m), trụ thép phi 70, sân hè (6,1m x 6,6m), hàng rào xây gạch 6,6m, hàng rào lam bê tông 6,6m, cổng ngõ xây trụ gạch, cửa sắt, địa chỉ: thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 500.000.000đ; 01 Bộ bàn ghế salon gỗ lát kiểu trúc (01 ghế dài, 03 ghế đơn, 02 ghế súp, 01 bàn, 02 đôn), tổng giá trị là 40.000.000đ; 01 bộ phản gỗ lát (gồm 01 miếng có chiều rộng 77cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm, có khối lượng gỗ là 0,23m³; 01 miếng có chiều rộng 75cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm, có khối lượng gỗ là 0,22m³) tổng giá trị là 40.000.000đ; 01 máy điều hòa hiệu Sharp công suất 2550W, có giá trị là 3.000.000đ; 01 máy điều hòa hiệu LG công suất 3,52KW, có giá trị là 3.000.000đ; 01 tủ đựng quần, áo có 03 cánh cửa, gỗ bời lời xanh, có chiều rộng 45cm, chiều cao 1,85m, chiều dài 2,2m, có giá trị là 3.000.000đ; 01 giường hộp, gỗ dổi chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m, có giá trị là 3.000.000đ; 01 giường hộp, gỗ bời lời xanh, chiều rộng 1,6m, chiều dài 2,2m, có giá trị là 3.000.000đ; 01 giường hộp, gỗ bời lời xanh, chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m, có giá trị là 3.000.000đ.

[6.1] Về khoản tiền mặt của hai vợ chồng: Theo anh M trình bày ngoài các tài sản nêu trên, anh M và chị L còn có tài sản chung là số tiền 214.000.000đ bán cây keo và số tiền 770.000.000đ từ việc sang nhượng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 22, diện tích 823,7m² và Nhà quán, cùng địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, hiện chị L đang giữ. Tuy nhiên, chị L chỉ thừa nhận vợ chồng có chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho chị Ngô Thị Hà M với số tiền 110.000.000đ, nhưng trong thời gian qua chị L đã dùng số tiền này chi phí cho việc học hành của con gái Nguyễn Thị Huyền T và sử dụng cho cá nhân đã hết.

[6.1.1] Đối với khoản tiền mặt Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền 214.000.000đ bán cây keo trong năm 2018, ngoài lời trình bày của anh M thì anh M còn cung cấp cho Tòa án các giấy xác nhận của những người làm chứng như anh Phạm Văn M, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bạch T, anh Trần Duy P và anh Lê Thanh D, ngoài ra không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác. Các giấy xác nhận của những người làm chứng trên đều do anh M cung cấp, không ghi cụ thể về nhân thân, địa chỉ của những người làm chứng và không có chứng thực về chữ ký của những người làm chứng nêu trên. Đồng thời, lời khai của một số người làm chứng như anh Phạm Văn M, ông Nguyễn Ngọc T, anh Trần Duy P và anh Lê Thanh D có mua keo và trả tiền cho vợ chồng M, L, cho

anh Nguyễn Văn T nhưng không có tài liệu nào chứng minh toàn bộ số tiền trên hiện nay chị L đang cất giữ. Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh Nguyễn Thái M cung cấp chứng cứ chứng minh chị L đang giữ khoản tiền mặt 214.000.000đồng, nhưng cho đến nay anh M vẫn không cung cấp được. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định chị L đang giữ số tiền mặt 214.000.000đồng để chia theo như yêu cầu của anh Nguyễn Thái M.

[6.1.2] Đối với số tiền chuyển nhượng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 22 cùng toàn bộ tài sản trên đất cho bà Ngô Thị Hà M. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/5/2018 giữa bên bán anh Nguyễn Thái M, chị Nguyễn Thị L và chị Ngô Thị Hà M, tại Điều 02 của hợp đồng các bên thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 110.000.000đồng, hợp đồng có chứng thực của UBND xã B. Qua làm việc với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và người nhận chuyển nhượng đất chị Ngô Thị Hà M đều xác định hai bên chỉ có thực hiện việc chuyển nhượng với số tiền 110.000.000đ. Tại bản khai ngày 18/6/2019 ông Nguyễn Bá T xác nhận giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 110.000.000đồng. Ngày 21/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Ba Tư đã ban hành thông báo số 433/TB-TA về việc yêu cầu anh M cung cấp tài liệu, chứng cứ về các khoản tiền nêu trên; tuy nhiên, cho đến hiện nay anh M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của anh M. Vì vậy, chỉ có cơ sở xác định anh M, chị L có khoản tiền mặt là 110.000.000đ.

[6.1.3] Như vậy tổng giá trị tài sản chung của anh M và chị L trong thời gian sống chung là 817.420.000đồng. Xét về công sức đóng góp để tạo lập lên khối tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị L và anh M đều có công sức đóng góp ngang nhau, vì vậy cần phải chia đôi khối tài sản chung này cho mỗi bên hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6.2] Về phân chia tài sản chung giữa anh M và Chị L Hội đồng xét xử căn cứ ý kiến của các bên đương sự tại phiên tòa, căn cứ theo điều kiện thực tế việc sử dụng tài sản chung liên quan đến cuộc sống, nguyện vọng, nhu cầu sử dụng và khả năng của từng người sau khi ly hôn để quyết định giao nhà, đất cho các bên được quyền sở hữu, sử dụng, đồng thời người được quyền sử dụng tài sản phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia cho người không được nhận bằng hiện vật, cụ thể như sau:

[6.2.1] Đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 22, diện tích là 264.3m² và tài sản trên đất gồm: Căn Nhà cấp 3C, có tầng lửng (diện tích sàn 43,92m²), móng cột làm bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp ngói, trần gỗ, có chiều rộng 6,1m, chiều dài 21,8m, tổng diện tích xây dựng là 132,98m², mái hiên tole, xà gồ sắt (6,1m x 4,4m), trụ thép phi 70, sân hè (6,1m x 6,6m), hàng rào xây gạch 6,6m, hàng rào lam bê tông 6,6m, cổng ngõ xây trụ gạch, cửa sắt, địa chỉ: thôn

L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 500.000.000đ. Tại phiên tòa anh M đề nghị được nhận nhà và quyền sử dụng đất vì hiện nay anh M không còn chỗ ở nào khác. Chị L thống nhất đồng ý giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm nhà và toàn bộ các công trình phụ trên thửa đất số 95, tờ bản đồ số 22, diện tích là 264.3m² cho anh M tiếp tục quản lý, sở hữu và sử dụng. Anh M có trách nhiệm thối lại cho chị L ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho chị L với số tiền 250.000.000đồng.

[6.2.2] Đối với 02 thửa đất lâm nghiệp là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 2 và thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, anh M và chị L đều có nhu cầu sử dụng. Vì vậy, cần chia cho mỗi người được quyền quản lý, sử dụng một thửa đất. Theo đó giao cho anh M được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích đất 2.820m² và toàn bộ cây keo trên đất, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 59.100.000đ. Giao cho chị L được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích đất 2.064m² và toàn bộ cây keo trên đất, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 50.320.000đ.

Anh M có trách nhiệm thanh toán cho chị L phần chênh lệch là (59.100.000đồng - 50.320.000đồng) : 2 = 4.390.000đồng.

[6.2.3] Đối với các tài sản là vật dụng trong nhà như bàn ghế, bộ phản, giường, tủ đựng quần áo, máy điều hòa... được chia như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Thái M sở hữu một bộ bàn ghế salon gỗ lát kiểu trúc (01 ghế dài, 03 ghế đơn, 02 ghế súp, 01 bàn, 02 đôn) tổng giá trị là 40.000.000đồng; 01 máy điều hòa hiệu Sharp công suất 2550W có giá trị là 3.000.000đ; 01 tủ đựng quần áo có 03 cánh cửa, gỗ bì lời xanh, có chiều rộng 45cm, chiều cao 1,85m, chiều dài 2,2m có giá trị là 3.000.000đ; 01 giường hộp, gỗ đôi chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m có giá trị là 3.000.000đ. Tổng giá trị các vật dụng trong nhà anh M được sở hữu là 49.000.000đồng.

- Giao cho chị Nguyễn Thị L sở hữu 01 bộ phản gỗ lát (gồm 01 miếng có chiều rộng 77cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm, có khối lượng gỗ là 0,23m³; 01 miếng có chiều rộng 75cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm, có khối lượng gỗ là 0,22m³) tổng giá trị là 40.000.000đ; 01 máy điều hòa hiệu LG công suất 3,52KW có giá trị là 3.000.000đ; 01 giường hộp, gỗ bì lời xanh, chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m, có giá trị là 3.000.000đ; 01 giường hộp, gỗ bì lời xanh, chiều rộng 1,6m, chiều dài 2,2m, có giá trị là 3.000.000đ. Tổng giá trị các vật dụng trong nhà chị L được sở hữu là 49.000.000đồng.

[6.2.4] Đối với số tiền mặt 110.000.000đồng chị L, anh M mỗi người được hưởng ½, thành tiền là 55.000.000đồng. Tuy nhiên, hiện nay chị L đang giữ nên tiếp tục giao cho chị L quản lý, sử dụng để khấu trừ vào khoản chênh lệch tài sản các bên được hưởng.

[7] Như vậy, tổng giá trị tài sản anh M được giao sở hữu, quản lý, sử dụng là 608.100.000đồng, tổng giá trị tài sản chị L được giao sở hữu, quản lý, sử dụng là 209.320.000đồng. Anh M có trách nhiệm thối lại giá trị tài sản chênh lệch được nhận cho chị L với số tiền $(817.420.000đ : 2) - 209.320.000đ = 199.390.000đ$ (Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

[8] Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu giải quyết quyền lợi của các anh, chị trong việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thái M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thái M mỗi người đã nộp tạm ứng số tiền 7.500.000đồng, tổng cộng là 15.000.000đồng, Tòa án đã chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm ngàn đồng), chị L, anh M yêu cầu chia tài sản chung nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là $8.300.000đ : 2 = 4.150.000đ$ (đã nộp và chi phí xong). Đối với khoản tiền nộp thừa 6.700.000đồng, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ đã hoàn trả lại cho chị L, anh M.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm:

Chị L phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia là $(400.000.000đ \times 5\%) + (8.710.000đ \times 4\%) = 20.348.000đ$ đồng.

Anh Nguyễn Thái M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia là $(400.000.000đ \times 5\%) + (8.710.000đ \times 4\%) = 20.348.000đ$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 70, 71, 147, 227, 228, 229, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; 14; 15; khoản 2 Điều 53, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, 218, 219, 220 của Bộ luật dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thái M.

2. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Nguyễn Thái M được quyền sở hữu, sử dụng căn Nhà cấp 3C (tầng lửng (diện tích sàn $43,92m^2$), móng cột làm bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp ngói, trần gỗ, có chiều rộng 6,1m, chiều dài 21,8m, tổng diện tích xây dựng là $132,98m^2$, mái hiên tole, xà gồ sắt (6,1m x 4,4m), trụ thép phi 70, sân hè (6,1m x 6,6m), hàng rào xây gạch 6,6m, hàng rào lam bê tông 6,6m, cổng ngõ xây trụ gạch, cửa sắt), gắn liền với quyền sử dụng đất thửa đất số 95, tờ bản đồ số 22, diện tích đất $264.3m^2$, địa chỉ: thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có tứ cận: Phía Đông giáp: Đất bà Phan Thị S, có chiều dài 0.24m + 4.92m + 3.77m; phía Tây giáp: Quốc lộ 24, có chiều dài 5.93m + 2.28m; phía Nam giáp: Đất ông Nguyễn P, đất bà Nguyễn Thị N, có chiều dài 2.21m + 2.16m + 7.07m + 11.20m + 9.03m; phía Bắc giáp: Đất bà Ngô Thị Hà M, có chiều dài 9.17m + 22.98m, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CN 085968 do Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ cấp ngày 27/4/2018.

- Anh Nguyễn Thái M được quyền sử dụng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 2, diện tích $2.820m^2$, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất; có tứ cận: Phía Đông giáp: Thửa đất số 159, thửa đất số 196, có chiều dài 43.26m + 12.80m, phía Tây giáp: Thửa đất số 197, có chiều dài 22.78m + 23.34m, phía Nam giáp: Thửa đất số 196, có chiều dài 51.44m, phía Bắc giáp: Thửa đất số 159, thửa đất số 160, có chiều dài 21.93m + 25.49m + 27.78m, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AP 592475 cấp ngày 10/6/2008.

- Giao cho anh Nguyễn Thái M sở hữu một bộ bàn ghế salon gỗ lát kiểu trúc (01 ghế dài, 03 ghế đơn, 02 ghế súp, 01 bàn, 02 đôn).

- Giao cho anh Nguyễn Thái M sở hữu một máy điều hòa hiệu Sharp công suất 2550W.

- Giao cho anh Nguyễn Thái M sở hữu một tủ đựng quần, áo có 03 cánh cửa, gỗ bồi lõi xanh, có chiều rộng 45cm, chiều cao 1,85m, chiều dài 2,2m.

- Giao cho anh Nguyễn Thái M sở hữu một giường hộp, gỗ dổi chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m.

- Chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 2, diện tích $2.064m^2$, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ cây keo trên đất; có tứ cận: Phía Đông giáp: Thửa đất số 127, có chiều dài 25.63m, phía Tây giáp: Thửa đất số 130, có chiều dài 32.01m + 4.12m, phía Nam giáp: Thửa đất số 160, có chiều dài 40.85m + 35.44m, phía Bắc giáp: Thửa đất số 127, có chiều dài 42.05m + 19.41m theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành số AP 592474 cấp ngày 10/6/2008.

- Giao cho chị Nguyễn Thị L sở hữu 01 bộ phản gỗ lát (gồm 01 miếng có chiều rộng 77cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm; 01 miếng có chiều rộng 75cm, chiều dài 2,3m, dày 13cm).

- Giao cho chị Nguyễn Thị L sở hữu một máy điều hòa hiệu LG công suất 3,52KW.

- Giao cho chị Nguyễn Thị L một giường hộp, gỗ bìrì xanh, chiều rộng 1,4m, chiều dài 2,2m.

- Giao cho chị Nguyễn Thị L sở hữu một giường hộp, gỗ bìrì xanh, chiều rộng 1,6m, chiều dài 2,2m.

- Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục quản lý, sử dụng số tiền 110.000.000đồng.

3. Anh Nguyễn Thái M có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia số tiền là 199.390.000đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

4. Anh Nguyễn Thái M và chị Nguyễn Thị L được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nhà và đất được chia nêu trên.

5. Đình chỉ xét xử một phần về yêu cầu chia tài sản của anh Nguyễn Thái M đối với số tiền 26.000.000đồng.

6. Về án phí:

Chị L phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 20.348.000đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) và số tiền 1.500.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011442 ngày 15 tháng 02 năm 2019 và biên lai thu tiền số 011366 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Chị L còn phải nộp số tiền 18.848.000đồng (*Mười tám triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng*).

Anh Nguyễn Thái M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản chung được chia là 20.348.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 17.200.000^d (*Mười bảy triệu hai trăm ngàn đồng*) anh M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011450 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ. Anh M còn phải nộp số tiền 3.148.000đồng (*Ba triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng*).

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/10/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan

